

MỘT CÁI NHÌN ĐỐI SÁNH VỀ NGÔN NGỮ TRONG PHÚ TIẾNG VIỆT

ThS. Trần Hoàng Anh*

Tóm tắt

Bằng việc sử dụng các phương pháp như: thống kê – phân loại, so sánh – đối chiếu và phân tích – tổng hợp, bài viết đã đi sâu phân tích và chỉ ra sự khác nhau về ngôn ngữ giữa phú cổ và phú mới tiếng Việt. Sự khác nhau đó thể hiện rất rõ ở ba yếu tố: câu, nhịp và từ ngữ sử dụng. Mỗi yếu tố có sự khác nhau riêng, giá trị nghệ thuật riêng nhưng tất cả đều chứng minh sự phát triển của ngôn ngữ phú nói riêng cũng như ngôn ngữ văn học nói chung.

Từ khóa: phú, phú tiếng Việt, phú mới, phú cổ, ngôn ngữ, ngôn ngữ văn học, văn học.

Abstract

By using methods such as statistics - classifying, comparison and analysis - synthesis, this article was deeply analyzed and explained the difference of language used in new and ancient Vietnamese poem. These differences are clearly mentioned in three elements: sentences, rhyme and word used. Though each element has its own differences, artistic values, they all demonstrate the development of poem in particular and literature in general.

Key words: poem, Vietnamese poem, new poem, ancient poem, language, literary language, literature.

1. Mở đầu

Tìm hiểu phú tiếng Việt trong sự đối sánh là cần thiết. Phú vốn là một thể loại được du nhập từ Trung Quốc, được viết bằng hai ngôn ngữ tiếng Hán và tiếng Việt. Một cái nhìn đối sánh về phú khi được viết bằng hai ngôn ngữ cũng là cần thiết. Việc này, đã được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu và bước đầu có những thành công. Nhưng sẽ cần thiết hơn nếu chúng ta có được sự đối sánh ngay trong phú tiếng Việt. Bởi lẽ, tiếng Hán dẫu sao cũng có sự cách biệt đối với người Việt chúng ta, mặc dù trong tiếng Việt có từ 60 – 70% từ Hán – Việt. Chữ Hán ở Việt Nam là một ngoại ngữ, hơn nữa là một từ ngữ. Còn tiếng Việt là thứ ngôn ngữ mà người Việt Nam sử dụng trong giao tiếp, sinh hoạt hàng ngày; khi được sử dụng trong phú chắc chắn nó sẽ mang những đặc trưng văn hóa cũng như ngôn ngữ dân tộc. Chúng tôi cho rằng nhìn phú tiếng Việt trong sự đối sánh về các yếu tố ngôn ngữ ở từng giai đoạn phát triển khác nhau sẽ làm sáng tỏ thêm được nhiều điều, không chỉ về bản thân đối tượng cũng như sự phát triển của nó mà còn thấy được sự phát triển của ngôn ngữ văn học dân tộc.

2. Nội dung

Hiện đang có những quan điểm khác nhau trong cách phân kỳ văn học Việt Nam. Theo quan điểm của chúng tôi, phú tiếng Việt có hai

giai đoạn phát triển. Phú cổ thuộc phạm trù văn học trung đại (mốc thời gian là trước thế kỷ XX), còn thuộc phạm trù văn học cận, hiện đại là phú mới (thế kỷ XX trở về sau). Điều chúng tôi quan tâm ở đây không phải là sự phân chia rạch ròi hai giai đoạn phát triển này, mà là đối sánh để thấy được sự khác nhau về các yếu tố ngôn ngữ ở từng giai đoạn phát triển của phú tiếng Việt.

Về tư liệu khảo sát, chúng tôi chọn cuốn *Phú Việt Nam cổ và kim* do Phong Châu và Nguyễn Văn Phú tuyển (1960), NXB Văn hóa, Hà Nội để khảo sát. Trong cuốn này, chúng tôi cũng chỉ chọn những bài phú tiếng Việt có tác giả. Đây là tuyển tập những bài phú được phiên âm ra quốc ngữ khá sớm. Cuốn sách tập hợp được một số lượng tác phẩm phong phú của nhiều tác giả, nhiều thời kỳ. Có cả phú chữ Nôm được phiên âm ra quốc ngữ và phú viết bằng chữ quốc ngữ; có cả phú cổ và phú kim, có cả phú khuyết danh và không khuyết danh. Theo nghiên cứu bước đầu của chúng tôi, hai giai đoạn phát triển này có sự khác nhau những yếu tố ngôn ngữ sau:

2.1. Về phương diện câu

Đại bộ phận phú tiếng Việt viết theo thể phú Đường luật nên chúng ta chỉ tìm hiểu các loại câu của tiêu loại này. Trong phú Đường luật có các loại câu như: câu tứ tự, câu bát tự, câu song quan, câu cách cú, câu gổi hạc. Theo khảo sát của chúng tôi thì trong 39 bài phú tiếng Việt làm

theo thể phú Đường luật (có tác giả) in trong cuốn Phú Việt Nam cổ và kim (sdd) có tất cả 1247 cặp câu. Số lượng sử dụng như sau: Câu tứ tự: 204 cặp câu (chiếm tỷ lệ 16,3%); Câu bát tự: 111 cặp câu (chiếm tỷ lệ 8,9%); Câu song quan: 252 cặp câu (chiếm tỷ lệ 20,2%); Câu cách cú: 537 cặp câu (chiếm tỷ lệ 43,1%); Câu gói hạc: 143 cặp câu (chiếm tỷ lệ 11,5%). Các loại câu này, tần số sử dụng trong phú cổ và phú mới hoàn toàn khác nhau:

Loại phú	Phú cổ (24 bài)	Phú mới (15 bài)
Loại câu		
Tứ tự	142 cặp câu (16,9%)	62 cặp câu (15,2%)
Bát tự	83 cặp câu (9,9%)	28 cặp câu (6,9%)
Song quan	192 cặp câu (22,9%)	60 cặp câu (14,7%)
Cách cú	365 cặp câu (43,5%)	172 cặp câu (42,1%)
Gói hạc	57 cặp câu (6,8%)	86 cặp câu (21,1%)
Tổng cộng	839 cặp câu (100%)	408 cặp câu (100%)

Nhìn vào bảng số liệu, chúng ta thấy các loại câu ngắn như tứ tự, bát tự, song quan trong phú mới đều giảm nhiều về tần số sử dụng so với phú cổ. Trong tổng số 204 cặp câu tứ tự, 111 cặp câu bát tự và 252 cặp câu song quan thì phú cổ chiếm phần chủ yếu.

Ngược lại, ở loại câu dài, đặc biệt là câu gói hạc, trong phú mới tần số sử dụng lại tăng nhanh, từ 6,8% trong phú cổ tăng lên 21,1% trong phú mới. Tất cả có 143 cặp câu gói hạc thì có tới 86 cặp câu thuộc về phú mới, chiếm tỷ lệ hơn 60,1%. Một con số thống kê nữa cũng cho ta thấy trong phú mới tỷ lệ sử dụng câu dài rất cao. Trong số 15 bài phú mới thì có 10 bài sử dụng những câu dài để kết thúc tác phẩm.

Việc sử dụng câu dài phổ biến trong phú mới thể hiện xu thế văn xuôi hóa tác phẩm phú nhưng đồng thời cũng khẳng định sự phát triển của thể tài này. Câu dài tạo cho người đọc cảm giác văn xuôi rất lớn, đành rằng trong phú tính chất thơ vẫn được các yếu tố như vần, đối, nhịp duy trì đều đặn. Theo chúng tôi, trong phú cổ tính chất quy phạm dấu sao cũng ảnh hưởng rất lớn đến các tác giả là những sĩ tử được đào luyện cho thi

cử. Còn trong phú mới mặc dù cũng có những tác giả được đào luyện trên con đường cử tử nhưng mục đích “học thi làm quan” không còn là vấn đề quan trọng hàng đầu nữa. Chính vì điều này mà cách viết của họ phóng khoáng hơn, có nhiều những phá cách, phá luật. Tuy nhiên, điều đó lại mang đến cho tác phẩm phú những nét độc đáo, tạo nên những thành công về nghệ thuật.

2.2. Về nhịp

Nhịp tạo nên tính chất thi ca trong phú. Theo Bùi Văn Nguyên và Hà Minh Đức, nhịp của thơ ca ta là lẻ trước, chẵn sau, còn nhịp của thơ ca Trung Quốc là chẵn trước, lẻ sau [5, tr.151]. Đối với phú, một thể tài mô phỏng của Trung Quốc thì cách ngắt nhịp chẵn là tương hợp với các kiểu câu của thể tài. Phú có hai loại câu là tứ tự (mỗi vế bốn chữ) và bát tự (mỗi vế tám chữ chia làm hai đoạn, mỗi đoạn bốn chữ). Ngũ đoạn gồm bốn chữ và sáu chữ cũng phổ biến trong phú (người xưa gọi là câu tứ lục). Ngoài ra, các loại câu khác như cách cú, gói hạc cũng có thể dùng ngũ đoạn bốn chữ, sáu chữ. Sự tương hợp đó tạo cho nhịp của phú, đặc biệt là phú cổ rất gần với nhịp của thơ ca Trung Quốc, bởi vì cách ngắt nhịp thường tương xứng với các ngữ đoạn trong câu. Ví dụ:

- *Vua thánh,/ tôi hiền;*

Nước yên,/ nhà thuận.

(*Cung trung bảo huấn* – Bùi Vịnh)

- *Chậu thau rửa mặt,/ tầm vào tầm vênh;*

Điếu sứ long đờm,/ cóc ca cóc cách.

(*Thầy đồ nông phú* – Nguyễn Khuyến)

- *Cổ bàn nhỏ to,/ chi sá kẻ*

Quần áo dài vấn,/ há đâu cần.

(*Từ xuân phú* – Nguyễn Xuân Từ)

- *Tản Lĩnh cao tà Thái Đại,/ rạng vẻ thần minh;*

Nhĩ Hà sâu sánh Giang Hoài,/ nói dòng vương tá.

(*Bài phú Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất* – Phạm Văn Nghị)

Trong phú mới, cách ngắt nhịp đa dạng hơn. Bên cạnh kiểu ngắt nhịp chẵn trước theo phú Trung Quốc thì cách ngắt nhịp lẻ cũng rất phổ biến. Ví dụ:

- *Sóng cạnh tranh, / lai láng dưới hòan cầu, / người muốn nợ, / kẻ muốn kia, / không ai giống đâu, / sống một nét, / chết một tật;*

Đường giao thiệp, / mở mang trên đại lục, / khôn cũng nhiều, / dại cũng lắm, / trông đó thì biết, / người ba đẳng, / của ba loài.

(*Phú cải lương* – Nguyễn Thượng Hiền)

- *Đói cho sạch, / rách cho thơm, / há như ai đục nước béo cò, / chẳng nghĩ con cái mình, / nặng tay riu búa;*

Ăn có nhai, / nói có nghĩ, / chớ toan sự mù trời bắt kết, / gặp khi thời vận thế, / lên mặt cân đai.

(*Phú cải lương* – Nguyễn Thượng Hiền)

Theo chúng tôi, ảnh hưởng của thành ngữ, tục ngữ đối với nhịp của phú rất lớn. Các tác giả phú mới sử dụng rất nhiều thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt mà nhịp trong những thể loại này Việt thì đa dạng và linh hoạt vô cùng. Trong một thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt có thể có nhiều loại nhịp. Có những câu do thói quen của từng người hay tùy theo nhu cầu nhấn mạnh ý khi sử dụng mà sự ngắt nhịp có thể thay đổi. Cùng một thành ngữ, tục ngữ nhưng các tác giả phú có thể sử dụng dưới nhiều dạng khác nhau. Ví dụ:

- *Đổ về cây thế cây trần, trí chưa trạch dân ba voi không một xáo.*

(*Tâm huyết phú*- độc vận “bạo”- Phan Bội Châu)

- *Xin đừng giương mắt trông nhau, lắm sĩ không ai đóng cửa chùa, phong hội ấy, nước non này, cũng phải lo toan cho hết sức;*

Thôi đừng già mồm nói khoác, mười voi không được một bát xáo, chí khí to, công việc lớn, sao cho chắc chắn được như lời.

(*Phú cải lương*- Nguyễn Thượng Hiền)

Hay câu tục ngữ: “**gió chiều nào, che chiều ấy**”, tác giả sử dụng có thể thêm vào một chữ để vừa đủ đối lại vừa nhấn mạnh thêm ý nghĩa:

*Chẳng biết **gió chiều nào phải che chiều ấy**, còn tại hạ phải lạc thiên an mạnh, chớ ngắt ngưỡng tịch cư ninh thế mà vụ danh;*

Đã hay phần giới mặt đầu để giới chân, may đắc thời mà trí chúa trạch dân, đừng ngoa ngoắt giai cảnh hưng tình mà liễu tục.

(*Thế tục phú* - Trần Văn Nghĩa)

Như vậy, nếu trong phú cổ cách ngắt nhịp chẵn hoặc chẵn trước, lẻ sau là chủ yếu; thì trong phú mới, với ảnh hưởng của bộ phận văn vần dân gian (thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt), nhịp trở nên đa dạng và linh hoạt hơn. Điều này, góp một phần nhỏ làm nên tính dân tộc đậm đà trong phú mới.

2.3. Về từ ngữ

Cách dùng từ ngữ trong phú bao giờ cũng chọn lọc công phu, tuy nhiên ở mỗi giai đoạn phát triển có sự khác nhau. Nếu như trong phú cổ, từ thế kỷ XIII, ở buổi đầu khi mới hình thành, ngôn ngữ của phú còn rất cổ, có nhiều tiếng đến nay không dùng nữa. Ví dụ:

-*Thừa mắc:*

Trời sinh chúa thánh. Đất có tôi lành.

(*Đại đồng phong cảnh phú*- Nguyễn Hàng)

- *Trấp bánh xe là bởi tội Lý Tư, nào ai đem nhưt tiểu khuynh thành mà dựng Võ gọi vong Tàn cho đáng;*

Giơ roi ngựa ấy nức danh Châu hậu, lấy ai đủ thập tuần trị quốc mà thầy Nho rằng trợ Kiệt nên tin.

(*Tần cung nữ oán Bái công*- Đặng Trần Thường)

Nội dung lời văn phú cổ rất nhiều điển tích, điển cố. Theo thống kê của chúng tôi, trong 25 bài phú cổ có tới 266 điển cố, điển tích (trong khi đó ở 15 bài phú mới chỉ có hai điển tích - thuộc bài Tình quốc dân phú của Phan Bội Châu). Bình quân mỗi bài phú cổ sử dụng tới hơn 11 điển tích, điển cố. Trong đó, có những bài dày đặc điển tích, điển cố như: Lượng như long phú (Nguyễn Tắc Dĩnh): 25; Cung trung bảo huấn (Bùi Vịnh): 15; Trương Lương Hầu phú (Nguyễn Hữu Chính): 49; Tụng Tây Hồ phú (Nguyễn Huy Lượng): 43; Hàn Vương Tôn phú (Đặng Trần Thường): 37; Tần cung nữ oán Bái công (Đặng Trần Thường): 18. Đó cũng là điều dễ hiểu bởi lẽ đối với người thời trung đại “giỏi văn chương cũng là hay chữ. Hay chữ là nhớ nhiều, nhớ kinh điển, nhớ điển tích, nhớ nhiều thơ văn xưa và khi viết có thể nhanh chóng nhớ ra và viết đúng chỗ những cái đó vào bài của mình. Chép nguyên văn của người xưa không bị coi là thiếu sáng tạo hay ăn cắp văn như ta hiểu ngày nay mà ngược lại được đánh giá cao vì uyên bác, vì nhớ giai, vì hay chữ” [4, tr.39]. Chúng ta thử đọc một đoạn trong bài

Cung trung bảo huấn của Bùi Vịnh sẽ hình dung được mật độ điển cố, điển tích trong phú cổ:

Ly Sơn cười một phút, Bao Tụ kia làm hết chừ hầu;

Vị Thủy tắm đòi phen, Dương phi nọ độc hòa thiên hạ.

Cung Quán Giai, lang Hưởng tiếp, Tây Thi chìn ấy thể loan;

Thang đậu khấu, quê ôn nhu, Triệu thị thật là nước họa.

Bên cạnh đó, trong phú cổ, lớp từ Hán – Việt được các tác giả sử dụng rất nhiều. Có những đoạn tác giả sử dụng chủ yếu từ Hán – Việt:

Tạo hóa công nên, phép hoàng quy đã lập;

Cung vi giáo đế, văn bảo huấn chép ra.

Vừa thuở:

Vận mở Đường Ngu,

Đạo truyền Thuấn Vũ.

Thương sinh, bốn bề chiêu an

Hoàng cực, chín lần áo dữ.

Thôi văn, đốc vũ, việc ngoại đình đều sửa sang;

Côi hóa, nguồn nhân, tôi nội đài xá u dạy nhu.

(*Cung trung bảo huấn* – Bùi Vịnh)

Ngay các tiêu đề tác phẩm của phú cổ cũng mang đậm dấu ấn của Hán ngữ: *Lượng như long phú*, *Phụng thành xuân sắc phú*, *Khổng Tử mộng Chu Công phú*, *Bắc sử tự tình phú*, *Tần cung nữ oán Bái công*, *Tài tử đa cùng phú*, *Hàn nho phong vị phú*. Trong khi đó, phú mới sử dụng chủ yếu từ thuần Việt cũng như cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt để đặt tên tác phẩm, mặc dù phú là thể tài có nguồn gốc từ Trung Quốc. Chẳng hạn: *Phú chúc tết Ngô Chí Sĩ*, *Phú kể tội Mỹ Diệm*, *Phú Miền Nam bất khuất*, *Nhấn gửi họ Ngô*.

Với việc sử dụng rất nhiều từ cổ, nhiều điển tích, điển cố và lớp từ Hán – Việt đã tạo cho phú cổ sắc thái trang trọng, cổ kính, tao nhã, uyên bác đậm chất “Trung Hoa”. Chúng ta nên nhớ rằng tâm lý sáng tạo văn học phổ biến thời trung đại là làm sao cho hợp cách chứ không hướng đến phá cách. Ở Việt Nam thời ấy “vô tổn Trung Hoa”, “bất dị Trung Hoa” được xem là dấu hiệu của chất lượng.

Còn trong phú mới, lớp từ ngữ mà các tác giả sử dụng đã hoàn toàn đổi mới. Từ đầu thế kỷ XX đến nay thì ngôn ngữ bình dân lại càng trở nên sâu sắc và phong phú trong các bài phú và văn tế. Thực ra, lối nói bình dân đã mạnh nha và được Nguyễn Hàng sử dụng trong phú từ thế kỷ XVI với những tiếng đệm tài tình và sinh động. Những tiếng trượng thanh, tượng hình như: chua lôm, lật thếch, hằm hiu, xốc xếch, phì phèo, lách cách pha lẫn những tiếng lấy ở chữ Hán đã được Việt hóa như:

Áo bao quân song bài chân bịch.

hoặc:

Thỏ lặn, ác tà, cơ thường, biển dịch.

(*Tịch cư ninh thể phú* – Nguyễn Hàng)

Từ đầu thế kỷ XX trở về sau, ảnh hưởng của thành ngữ, tục ngữ, ca dao, ngôn ngữ bình dân của nhân dân lao động ngày càng chiếm phần quan trọng trong phú. Trong 40 bài phú tiếng Việt (có tác giả) in trong cuốn *Phú Việt Nam cổ và kim* [2], chúng tôi đã thống kê được 420 lượt sử dụng thành ngữ, tục ngữ, Trong đó, phú cổ: 164 lượt/25 bài chiếm tỷ lệ 39%; phú mới: 265 lượt/15 bài chiếm tỷ lệ 61%. Như vậy, bình quân một bài phú cổ có 6,6 lượt sử dụng thành ngữ, tục ngữ; trong khi đó một bài phú mới có tới 17,1 lượt sử dụng. Đặc biệt, trong phú mới có những bài sử dụng dày đặc thành ngữ, tục ngữ: *Tình quốc dân phú* (Phan Bội Châu): 64, *Phú cải lương* (Nguyễn Thượng Hiền): 64. Điều này có nguyên do của nó. Trong suốt quá trình lớn mạnh của văn học quốc âm, tục ngữ cùng với thành ngữ, ca dao ngày càng gắn với văn học nhiều hơn, không những có ảnh hưởng lớn đến thơ mà đến cả loại văn xuôi Nôm có nhịp điệu như phú Nôm. Giải thích về hiện tượng này, Phong Châu và Nguyễn Văn Phú đã viết: “Ta không lạ gì hiện tượng đó. Khi chế độ phong kiến ngày càng suy tàn, giai cấp phong kiến càng đi vào con đường bế tắc, thì tiếng nói văn chương của nó dần dần nhường bước cho tiếng nói văn chương của nhân dân lao động, là ca dao, tục ngữ” [2, tr.62 - 63]. Chúng tôi cho rằng, ngoài những lý do mà các nhà nghiên cứu đã đưa ra giải thích ở trên, còn có lý do về sự phát triển của ngôn ngữ văn học, trong đó có sự phát triển của ngôn ngữ phú. Từ chỗ mang tính sách vở, quan phương, ngôn ngữ văn học phát triển đến chỗ gần gũi hơn với nhân dân lao động, nghệ thuật hơn và cũng dễ đi vào lòng người hơn.

Việc sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ tạo cho phú mới không những giàu nhịp điệu, hình ảnh, âm thanh, màu sắc mà còn nói lên được cuộc sống thực của con người, của xã hội. Điều này tạo cho phú tiếng Việt có những nét riêng mang tính dân tộc, khác xa với phú chữ Hán cũng như phú Trung Quốc.

3. Kết luận

Giữa phú cổ và phú mới có sự khác nhau rất

rõ ở ba yếu tố: câu, nhịp và từ ngữ sử dụng. Nếu như khác nhau về câu khẳng định sự phát triển của phú theo xu thế văn xuôi hóa bằng việc sử dụng những câu dài, khác nhau về nhịp làm nên tính dân tộc đậm nét trong phú thì khác nhau về từ ngữ sử dụng thể hiện sự kết hợp tài tình giữa hai loại ngôn ngữ bình dân và bác học, tạo nên những thành công trong nghệ thuật của phú tiếng Việt. Đó là bước tiến mới của ngôn ngữ phú cũng như ngôn ngữ văn học nói chung.

Tài liệu tham khảo

Trần Hoàng Anh. 2012. *Ảnh hưởng của thành ngữ - tục ngữ trong phú tiếng Việt*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh. số 5.

Phong Châu, Nguyễn Văn Phú. 1960. *Phú Việt Nam cổ và kim*. Nhà xuất bản Văn hóa. Hà Nội.

Cao Huy Đình. 1976. *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*. KHXH. Hà Nội.

Trần Đình Hượu. 1999. *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*. Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội.

Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức. 1971. *Thơ ca Việt Nam (hình thức và thể loại)*. Nhà xuất bản KHXH. Hà Nội.